

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 64A/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11/7/2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lệ Thương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thắng**.

2. Ông **Nguyễn Văn Long**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Ngọc H**, sinh năm 1984 (Có mặt).

- Địa chỉ: Số 44 tổ B ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang..

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Số 44 tổ B ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc H trình bày:** Do quen biết, tìm hiểu nhau được hơn 3 tháng chị và anh N tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang tại quyền số 01, ngày 26/12/2008. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không trung thực, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.

- Về con chung: Có 01 cháu là Bùi Đoàn Trọng P, sinh ngày 21/5/2009 hiện đang sống với chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh N; yêu cầu được tiếp tục nuôi, nếu anh N có mặt thì chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, nếu anh N không có mặt thì chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

*** Anh Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh vắng mặt và không có văn bản ý kiến trả lời.**

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H yêu cầu được ly hôn với anh N, yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huy, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh N vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh N không thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phân trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với bị đơn anh Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử, nhưng anh N vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh N.

Tranh chấp giữa chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Bùi Văn N là tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Tại phiên tòa chị H yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Anh N vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản ý kiến trả lời.

[3] Xét thấy, do quen biết, tìm hiểu chị H và anh N tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, theo chị H là do anh N không trung thực, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Tại phiên Tòa hôm nay anh N vắng mặt không lý do, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu P sống với chị H từ nhỏ, để ổn định tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu nên cần giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật là phù hợp luật Hôn nhân và gia đình.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Bùi Văn N.

2/ Về con chung: Giao cháu Bùi Đoàn Trọng P, sinh ngày 21/5/2009 cho chị Đoàn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi, anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh N chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu lãi trên số tiền chậm nộp theo mức cấp dưỡng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian thi hành thì anh phải chịu thêm lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thực hiện, tại thời điểm thanh toán.

Anh Bùi Văn N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí:

- Chị Đoàn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 31411 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

- Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Ngọc H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Thành phố M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP M;
- UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang..
- Các đương sự:
 - + Đoàn Thị Ngọc H;
 - + Bùi Văn N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương